

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825201] - Vi điều khiển
(CCQ2314A)

CBGD: Nguyễn Kim Suyền (280024)

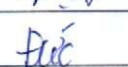
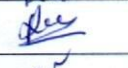
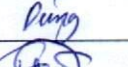
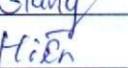
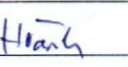
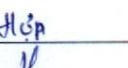
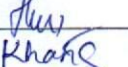
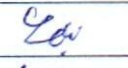
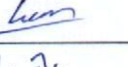
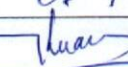
Số SV có mặt: 20

Số bài thi:20

Số tờ giấy thi: 20


N.K. SUYEN


N.K. SUYEN

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A			5,3	6,0	5,7
2	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A			5,2	7,5	6,6
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A			8,2	8,0	8,1
4	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A			6,4	6,5	6,5
5	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A			6,4	7,5	7,1
6	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A			6,8	7,5	7,2
7	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A			5,5	8,0	7,0
8	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A			4,9	6,0	5,6
9	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A			7,5	8,5	8,1
10	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A			5,1	6,0	5,6
11	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A			4,3	8,0	5,3
12	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A			5,1	8,5	7,1
13	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A			5,0	6,5	5,9
14	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A			4,8	5,5	5,2
15	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A			8,3	8,5	8,4
16	2123140031	Mai Lê Tấn	Khương	07/06/2005	CCQ2314A		X	0		
17	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A			8,3	8,0	8,1
18	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A			7,1	6,5	6,8
19	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A			7,3	6,8	7,0
20	2120060021	Lê Văn	Tấn	10/07/1996	CCQ2006A			4,7	6,5	5,6
21	2120150028	Lê Xuân	Thương	29/08/2001	CCQ2015A			5,1	5,5	5,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825202] - Vi điều khiển
(CCQ2314B)

CBGD: Nguyễn Kim Xuyên (280024)

Số SV có mặt: 16.....

Số bài thi:16.....

Số tờ giấy thi: 16.....


N.K. XUYEN


N.K. XUYEN

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B		Cương	9,0	8,5	8,7
2	2123140055	Trần Quốc	Đạt	06/07/2005	CCQ2314B		Đạt	5,9	8,0	7,2
3	2123140070	Lê Hữu Minh	Đức	14/12/2005	CCQ2314B		X	1,0	0	0,4
4	2123140058	Phạm Trường	Giang	29/11/2005	CCQ2314B		Giang	6,6	7,5	7,1
5	2123140046	Nguyễn Anh	Hào	09/11/2005	CCQ2314B		Hào	5,6	7,0	6,4
6	2123140044	Trần Hữu	Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B		Hu	5,1	6,0	5,6
7	2123140068	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2005	CCQ2314B		X	0	0	0
8	2123140059	Dương Việt	Khải	01/12/2005	CCQ2314B		Khải	3,8	6,0	5,1
9	2123140045	Nguyễn Trọng	Khanh	05/11/2005	CCQ2314B		Khanh	5,7	6,5	6,2
10	2123140052	Kiều Chiêm Quốc	Khoa	02/09/2004	CCQ2314B		X	0	0	0
11	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A		Luan	4,6	6,0	5,4
12	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A		Phuc	4,9	6,0	5,6
13	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A		Phun	5,5	7,5	6,7
14	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A		Ha	4,9	6,0	5,6
15	2123170205	Lê Hưng	Thịnh	31/10/2005	CCQ2314A		X	0	0	0
16	2123140029	Trần Hồ Trung	Tín	05/05/2005	CCQ2314A		Tin	8,1	7,5	7,7
17	2123140017	Trần Hữu	Trí	19/12/2005	CCQ2314A		Tu	6,2	6,0	6,1
18	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A		Truan	8,3	8,0	8,1
19	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A		Quang	5,2	7,0	6,3
20	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A		Xuyen	6,4	7,5	7,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825205] - Vi điều khiển
(CCQ2314C)

CBGD: Nguyễn Kim Suyền (280024)

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

N. KIM SUYỀN

N. KIM SUYỀN

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140032	Huỳnh Quang	Duy	18/11/2004	CCQ2214A	Duy	6,4	7,0	6,8
2	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	CCQ2214A	Hiệu	3,2	4,5	4,0
3	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	Hòa	7,8	8,3	8,1
4	2122140049	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B	Hoàng	8,8	8,5	8,6
5	2122140028	Võ Minh	Lộc	20/05/2004	CCQ2214A	Lộc	5,4	5,5	5,5
6	2122140021	Nguyễn Thành	Nam	14/10/2004	CCQ2214A	Nam	5,3	5,0	5,1
7	2123140102	Nguyễn Hiếu	Nguyên	18/02/2005	CCQ2314C	Nguyễn	5,2	7,5	6,6
8	2123140086	Trần Văn	Phong	27/01/2005	CCQ2314C	Phong	9,0	8,0	8,4
9	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	CCQ2314C	Phúc	6,6	8,8	7,9
10	2123140080	Lê Tấn	Phước	25/09/2003	CCQ2314C	X	0	0	0
11	2122140040	Trần Văn	Quốc	01/02/2002	CCQ2214B	Quốc	5,5	7,0	6,4
12	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật	Sang	02/06/2004	CCQ2214A	Sang	4,9	5,3	5,1
13	2123140098	Nguyễn Phi	Thanh	20/02/2005	CCQ2314C	Phi	7,4	8,0	7,8
14	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	CCQ2314C	Thành	8,7	9,0	8,9
15	2123140117	Phan Thành	Trung	05/09/2005	CCQ2314C	Trung	7,2	8,5	8,0
16	2123140099	Doãn Ngọc	Tuấn	10/11/2005	CCQ2314C	Tuấn	5,2	7,0	6,3
17	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	28/07/2005	CCQ2314C	Anh	6,6	7,5	7,1
18	2123140075	Cai Văn	Vinh	29/07/2005	CCQ2314C	Vinh	7,4	8,5	8,1
19	2123140097	Nguyễn Hoài	Vinh	12/01/2005	CCQ2314C	Vinh	6,5	8,5	7,6
20	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C	Thảo	8,4	8,5	8,5